210900071\_Đặng Lê Hữu Tiến

[**Bài 1** 1](#_Toc113385301)

[**Bài 2** 4](#_Toc113385302)

[**Bài 3** 11](#_Toc113385303)

[**Bài 4** 15](#_Toc113385304)

# **Bài 1**

a. Sau khi tạo thành công CSDL QLSach, xem thuộc tính (properties) của CSDL QLSach :

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

b. Tại cửa sổ properties của CSDL, khai báo thêm

- Một Filegroup mới có tên là DuLieuSach

Graphical user interface, application

Description automatically generated

- Một tập tin dữ liệu (data file) thứ hai nằm trong filegroup vừa tạo ở trên và có thông số như sau : Tên logic của data file là QlSach\_Data2; Tên tập tin và đường dẫn vật lý của data file là T:\QLTV\QlSach\_Data2.ndf ; các thông số về kích thước tùy ý.

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Graphical user interface

Description automatically generated

- Thiết lập thuộc tính ReadOnly, sau đó đóng cửa sổ properies. Quan sát màu sắc của CSDL. Bỏ thuộc tính ReadOnly

Graphical user interface

Description automatically generated with low confidence

- Thay đổi owner

Owner đầu

Graphical user interface, text

Description automatically generated with medium confidence

Owner sau khi thay đổi

Graphical user interface, text, email

Description automatically generated

# **Bài 2**

a. Dùng lệnh CREATE DATABASE, tạo CSDL QLBH với các tham số được liệt kê trong bảng dưới.

Graphical user interface, application

Description automatically generated

b. Xem lại thuộc tính của CSDL QLBH bằng cách Click phải vào tên CSDL chọn Properties và bằng thủ tục hệ thống sp\_helpdb, sp\_spaceused, sp\_helpfile.

- sp\_helpdb

A picture containing table

Description automatically generated

- sp\_spaceused

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- sp\_helpfile

Table

Description automatically generated with medium confidence

c. Thêm một filegroup có tên là DuLieuQLBH

Graphical user interface, application, table

Description automatically generated

d. Thêm một secondary data file có tên logic là QLBH\_data2 trong filegroup vừa tạo : tên và đường dẫn file vật lý T:\QLBH\_data2.ndf , các thông số khác tuỳ chọn

Graphical user interface, application

Description automatically generated

e. Sử dụng sp\_helpfilegroup xem các filegroup đã có

Graphical user interface, application

Description automatically generated

f. Dùng lệnh Alter Database … Set … để cấu hình cho CSDL QLBH có thuộc tính là Read\_Only. Dùng sp\_helpDB để xem lại thuộc tính của CSDL. Hủy bỏ thuộc tính Read\_Only.

- Dùng lệnh Alter Database … Set … để cấu hình cho CSDL QLBH có thuộc tính là Read\_Only

Graphical user interface, text

Description automatically generated

-sp\_helpDB để xem lại thuộc tính của CSDL

Table

Description automatically generated

g. Dùng lệnh Alter DataBase … MODIFY FILE … để tăng SIZE của QLBH\_data1 thành 50 MB. Tương tự tăng SIZE của tập tin QLBH\_log thành 10 MB.

Graphical user interface

Description automatically generated

\* Để thay đổi SIZE của các tập tin bằng công cụ Design ta có thể

1. Dùng lệnh Alter DataBase … MODIFY FILE … để tăng SIZE
2. Thay đổi trực tiếp trong Database Properties

Thực hiện thay đổi kích thước của tập tin QLBH\_log với kích thước là 15MB.

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Nếu thay đổi kích cỡ nhỏ hơn ban đầu sẽ có lỗi xuất hiện

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Nếu thay đổi kích cỡ MAXSIZE nhỏ hơn kích cỡ SIZE thì sẽ có lỗi vì: Kích cỡ khởi tạo (SIZE) không thể lớn hơn kích cỡ tối đa (MAXSIZE)

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

# **Bài 3**

a. Tạo bảng

- Bảng LOP

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- Bảng SINHVIEN

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

- Bảng MONHOC

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- Bảng KETQUA

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

b. Nhập dữ liệu tùy ý vào các bảng bằng SSMS, mỗi bảng khoảng 3 mẫu tin.

- Dữ liệu bảng LOP

Graphical user interface, application

Description automatically generated

- Dữ liệu bảng SINHVIEN

Graphical user interface, application

Description automatically generated

- Dữ liệu bảng MONHOC

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- Dữ liệu bảng KETQUA

Graphical user interface

Description automatically generated with medium confidence

c. Dùng tác vụ General Script phát sinh mã lệnh cho CSDL QLSV và các đối tượng của CSDL, file lưu với tên qlsv.sql

Text

Description automatically generated

# **Bài 4**

a. Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi

* Có mấy loại datatype trong SQL Server, hãy liệt kê ?

Các kiểu dữ liệu SQL có thể được chia thành các loại sau:

1. Các kiểu dữ liệu số như int, tinyint, bigint, float, real,…
2. Các loại dữ liệu Ngày và Giờ như Date, Time, Datetime,…
3. Các kiểu dữ liệu ký tự và chuỗi như char, varchar, text,…
4. Các kiểu dữ liệu chuỗi ký tự Unicode, ví dụ nchar, nvarchar, ntext,…
5. Các loại dữ liệu nhị phân như binary, varbinary,…
6. Các loại dữ liệu khác – clob, blob, xml, cursor, table,…

* Các system datatype được SQL Server lưu trữ trong Table nào và ở trong CSDL nào ?
* Các User-defined datatype được SQL Server lưu trữ trong Table nào, ở trong CSDL nào?

b. Vào Query Analyzer, chọn QLBH là CSDL hiện hành, định nghĩa các datatype:

Text

Description automatically generated

d. Thực hiện liệt kê danh sách các User-Defined datatype vừa định nghĩa

Table

Description automatically generated with medium confidence